

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC  
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014  
(đã được soát xét)

## **NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét:	05 - 32
Bảng cân đối kế toán	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 32

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tiền thân là Trung tâm Phát hành sách trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số D14-D6, Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 25/04/2014)
Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 25/04/2014)
Ông Cán Hữu Hải	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Thành viên	
Ông Hà Sỹ Tuyển	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Lan Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25/04/2014)
Ông Bùi Vũ Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25/04/2014)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cán Hữu Hải	Giám đốc	
Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Phó Giám đốc	
Ông Hà Sỹ Tuyển	Phó Giám đốc	
Ông Bùi Vũ Hùng	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 05/05/2014)

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên
Bà Trần Thị Uyên	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

---

**Cần Hữu Hải**

Giám đốc

*Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014*

Số: /2014/BC.KTTC-AASC.KT5

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

---

**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0725-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2014*

---

**Nguyễn Trường Minh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2290-2013-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>128.723.362.592</b>	<b>117.736.166.543</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>9.926.934.048</b>	<b>38.540.613.011</b>
111	1. Tiền		3.926.934.048	7.540.613.011
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	31.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>29.705.184.245</b>	<b>20.705.184.245</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		29.705.184.245	20.705.184.245
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>39.830.216.981</b>	<b>24.239.522.571</b>
131	1. Phải thu khách hàng		40.093.421.581	23.212.486.419
132	2. Trả trước cho người bán		746.491.928	1.707.966.517
135	3. Các khoản phải thu khác	5	912.094.518	1.240.860.681
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.921.791.046)	(1.921.791.046)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>47.238.190.007</b>	<b>31.947.792.997</b>
141	1. Hàng tồn kho		49.396.416.144	34.106.019.134
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.158.226.137)	(2.158.226.137)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.022.837.311</b>	<b>2.303.053.719</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	1.287.645.352	787.928.067
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		840.487	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	8	734.351.472	1.515.125.652
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>10.640.078.879</b>	<b>27.070.112.452</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>3.045.103.934</b>	<b>2.743.650.528</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	424.603.934	503.150.528
222	- Nguyên giá		2.833.196.911	2.833.196.911
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.408.592.977)	(2.330.046.383)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	2.620.500.000	2.240.500.000
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>930.000.000</b>	<b>16.431.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	1.100.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		930.000.000	15.331.000.000
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.664.974.945</b>	<b>7.895.461.924</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	6.504.974.945	7.810.461.924
268	2. Tài sản dài hạn khác		160.000.000	85.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>139.363.441.471</b>	<b>144.806.278.995</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>300</b>	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>29.991.612.734</b>	<b>23.553.343.183</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>29.945.612.734</b>	<b>23.507.343.183</b>
312	1. Phải trả người bán		23.180.230.700	19.136.525.056
313	2. Người mua trả tiền trước		100.241.416	382.417.115
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.326.678.343	517.448.572
315	4. Phải trả người lao động		442.885.433	1.511.659.159
316	5. Chi phí phải trả	14	4.484.476.794	1.317.105.409
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	380.481.023	226.856.090
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.619.025	415.331.782
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>46.000.000</b>	<b>46.000.000</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		46.000.000	46.000.000
<b>400</b>	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>109.371.828.737</b>	<b>121.252.935.812</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>109.371.828.737</b>	<b>121.252.935.812</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		102.194.840.000	102.194.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(252.296.518)	(252.296.518)
414	3. Cổ phiếu quỹ		(13.895.459.397)	(5.822.132.335)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		14.778.425.126	14.778.425.126
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		1.625.203.827	1.625.203.827
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.921.115.699	8.728.895.712
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>139.363.441.471</b>	<b>144.806.278.995</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014*

Chỉ tiêu	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	355.369.495	1.274.468.988
2. Nợ khó đòi đã xử lý	686.187.200	686.187.200

---

**Cán Hữu Hải**

Giám đốc

*Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014*

---

**Phạm Thị Hạnh**

Kế toán trưởng

---

**Nguyễn Cẩm Hương**

Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	58.284.357.671	44.612.516.272
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	18.625.548	64.012.440
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	58.265.732.123	44.548.503.832
11	4. Giá vốn hàng bán	20	46.276.506.607	34.312.570.825
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.989.225.516	10.235.933.007
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.136.479.331	2.672.255.014
22	7. Chi phí tài chính	22	58.998.633	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng	23	6.407.310.699	5.035.741.311
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	3.327.393.617	2.721.899.339
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.332.001.898	5.150.547.371
31	11. Thu nhập khác	25	200.778.927	28.725.000
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		200.778.927	28.725.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.532.780.825	5.179.272.371
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	979.501.782	921.826.969
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.553.279.043	4.257.445.402
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	400	540

Cán Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014

Phạm Thị Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Hương

Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2014	năm 2013
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		34.337.257.511	44.694.439.048
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(50.064.615.147)	(48.749.538.449)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(5.481.108.103)	(5.455.879.826)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(314.999.349)	(276.313.075)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.517.900.542	1.396.918.170
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.013.935.069)	(2.048.465.011)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(22.019.499.615)</b>	<b>(10.438.839.143)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(380.000.000)	(60.536.364)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	9.725.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.200.000.000)	(11.534.429.190)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		14.601.000.000	4.965.247.416
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.100.000.000	1.800.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.969.994.914	2.833.865.459
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>8.090.994.914</b>	<b>(1.986.127.679)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
32	1. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(8.073.327.062)	(1.285.074.145)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.611.847.200)	(9.580.189.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(14.685.174.262)</b>	<b>(10.865.263.145)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2014	năm 2013
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(28.613.678.963)	(23.290.229.967)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		38.540.613.011	62.353.873.772
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>9.926.934.048</u>	<u>39.063.643.805</u>

---

**Cán Hữu Hải**

Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014

---

**Phạm Thị Hạnh**

Kế toán trưởng

---

**Nguyễn Cẩm Hương**

Người lập

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014*

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tiền thân là Trung tâm Phát hành sách trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số D14-D6, Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 VND (Một trăm linh hai tỷ, một trăm chín mươi tư triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng); Tương đương 10.219.484 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24/05/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02/04/2010, hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty thực hiện khánh thành và đưa vào hoạt động thêm 01 cửa hàng (tại số 07 Xã Đàn) bán lẻ sách, và thiết bị giáo dục nâng tổng số cửa hàng của Công ty lên 05 cửa hàng do đó làm cho chi phí thuê cửa hàng, chi phí sửa chữa cửa hàng tăng, các khoản chi phí này đang được Công ty thực hiện phân bổ dần vào chi phí.

Cùng với 01 cửa hàng mới đi vào hoạt động thì hiệu quả bán hàng của 04 cửa hàng cũ (tại 232 Tây Sơn, 187 Giảng Võ, 116 Cầu Diễn và F5 Trung Kính) cũng tăng lên đã đóng góp đáng kể cho sự tăng trưởng của doanh thu 6 tháng đầu năm 2014 so với cùng kỳ năm trước.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## 2.3. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến

và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                       |             |
|-----------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị   | 03 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng  | 03 - 05 năm |

## 2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

Tài sản đồng kiểm soát bởi các bên tham gia góp vốn liên doanh là tài sản được góp được sử dụng cho mục đích của liên doanh và mang lại lợi ích cho các bên tham gia liên doanh theo quy định của Hợp đồng liên doanh. Mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm từ việc sử dụng tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Các bên tham gia liên doanh phải mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;

- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

## 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí bản thảo được thực hiện phân bổ vào giá thành theo sản lượng sách nhập kho. Trong trường hợp số phân bổ tính theo phương pháp phân bổ theo thời gian lớn hơn phương pháp phân bổ theo sản lượng thì phần chênh lệch sẽ được ghi nhận thẳng vào giá vốn hàng bán. Trong trường hợp ngược lại sẽ không thực hiện hạch toán điều chỉnh giá vốn hàng bán.

Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá trị xuất kho của các loại sách không chịu thuế và tổng giá trị tồn kho đầu kỳ cộng giá trị nhập kho trong kỳ của các loại sách không chịu thuế.

Chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí bản thảo đang được trích trên cơ sở kế hoạch in và hạch toán theo dõi trên chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào giá thành theo sản lượng sách nhập kho trong kỳ, chi phí này được quyết toán khi có xác nhận của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

## 2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi

nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.12. Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.13. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



**2.14. Các khoản thuế***Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	593.530.111	202.385.857
Tiền gửi ngân hàng	3.333.403.937	7.338.227.154
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	31.000.000.000
	<b>9.926.934.048</b>	<b>38.540.613.011</b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	29.705.184.245	20.705.184.245
- Cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay <sup>[1]</sup>	4.705.184.245	4.705.184.245
- Cho Công ty Cổ phần sách Dân tộc vay <sup>[2]</sup>	2.000.000.000	2.000.000.000
- Cho Công ty Cổ phần in và thương mại Trường An vay <sup>[3]</sup>	2.000.000.000	-
- Cho Trung tâm Nghiên cứu và sản xuất Học liệu vay <sup>[4]</sup>	1.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng <sup>[5]</sup>	20.000.000.000	14.000.000.000
	<b>29.705.184.245</b>	<b>20.705.184.245</b>

<sup>[1]</sup> Hợp đồng vay vốn số 01-2009/NXBGDVN-TH ngày 26/02/2010 và gia hạn tại phụ lục số 04/2014/PL-HDVV ngày 01/01/2014 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 20.000.000.000 VND;
- Thời gian vay vốn: Tối đa 06 tháng kể từ ngày chuyển tiền cho vay; Thời gian vay vốn gia hạn theo phụ lục của Hợp đồng số 04/2014 từ ngày 01/01/2014 đến ngày 01/07/2014;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ kinh doanh và đầu tư;
- Tài sản đảm bảo tiền vay: Tín chấp;
- Lãi suất cho vay: 10,5%/năm tại thời điểm ký Hợp đồng; Lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ và theo phụ lục Hợp đồng;
- Tiền lãi vay: Tính trên cơ sở số tiền vay và thời gian vay thực tế; Bên cho vay xuất hóa đơn khoản lãi vay vốn hàng tháng;
- Thanh toán tiền gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.

<sup>[2]</sup> Hợp đồng vay vốn số 02/SGDHN ngày 30/06/2013 được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng số 01/SGDHN ngày 01/01/2014 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 2.000.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 06 tháng; Gia hạn đến 01/07/2014 theo phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 01/01/2014;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: 12%/năm; có thể thay đổi cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên;
- Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số tiền, số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;

- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp

<sup>[3]</sup> Hợp đồng vay vốn số 1401/SGDHN ngày 10/06/2014 với những nội dung sau:

- Tổng số tiền cho vay: 2.000.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 12 tháng; Gia hạn thời hạn cho vay theo phụ lục Hợp đồng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: 12%/năm; có thể thay đổi cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên;
- Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số tiền, số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

<sup>[4]</sup> Hợp đồng vay vốn số 02/SGDHN ngày 04/04/2014 với những nội dung sau:

- Tổng số tiền cho vay: 1.000.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: từ 04/04/2014 đến 04/07/2014;
- Lãi suất: 12%/năm;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

<sup>[5]</sup> Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Maritime Bank bao gồm 04 hợp đồng với thời hạn 6 tháng từ ngày gửi tiền (Hợp đồng tự động gia hạn), tổng giá trị là 20.000.000.000 VND với mức lãi suất 6,5%/năm.

## 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia	532.682.817	859.795.637
Phải thu khác	379.411.701	381.065.044
- <i>Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa<sup>[1]</sup></i>	200.000.000	200.000.000
- <i>Phải thu các đối tượng khác</i>	179.411.701	181.065.044
	<b>912.094.518</b>	<b>1.240.860.681</b>

<sup>[1]</sup> Theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa” với những nội dung sau:

- Địa điểm thực hiện tại: Ô đất D32 thuộc khu đô thị mới Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Diện tích ô đất là 4550 m<sup>2</sup>;
- Mục đích sử dụng đất: Xây dựng tòa nhà cao tầng để làm văn phòng bao gồm 2 khối (khối 1 có 5 tầng, khối 2 có 15 tầng) và 01 tầng hầm; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đứng tên. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của công trình tương ứng với tỉ lệ góp vốn/ tổng mức đầu tư xây dựng và hoàn thành công trình trong thời hạn 45 năm kể từ ngày hoàn thiện công trình;
- Tổng vốn góp dự kiến: 220 tỷ VND, trong đó: Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 15%. Tại thời điểm 30/06/2014 phần vốn góp thực tế là 200.000.000 VND và Dự án này đang tạm dừng đầu tư.

## 6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	195.495.245	145.513.037
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.060.279.324	15.829.705.779
Thành phẩm	17.495.647.711	12.648.305.567
Hàng hoá	3.610.961.079	3.298.326.837
Hàng gửi đi bán <sup>[1]</sup>	6.034.032.785	2.184.167.914
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.158.226.137)	(2.158.226.137)
	<b>47.238.190.007</b>	<b>31.947.792.997</b>

<sup>[1]</sup>Hàng gửi đi bán là các loại hàng hóa còn tồn tại các cửa hàng của Công ty. Công ty thực hiện theo dõi riêng để phục vụ cho công tác quản lý hàng hóa tại các cửa hàng này.

## 7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	787.928.067	781.732.308
Số tăng trong kỳ	3.142.835.670	3.399.499.396
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(2.643.118.385)	(2.843.518.108)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.287.645.352</b>	<b>1.337.713.596</b>

**Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	787.928.067	787.928.067
Chi phí thuê cửa hàng chờ phân bổ	350.000.004	-
Chi phí bản thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ	149.717.281	-
	<b>1.287.645.352</b>	<b>787.928.067</b>

## 8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	253.539.649	221.282.649
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	480.811.823	1.293.843.003
	<b>734.351.472</b>	<b>1.515.125.652</b>

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	2.324.544.145	508.652.766	2.833.196.911
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.324.544.145</b>	<b>508.652.766</b>	<b>2.833.196.911</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.047.655.765	282.390.618	2.330.046.383
Số tăng trong kỳ	59.635.080	18.911.514	78.546.594
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	59.635.080	18.911.514	78.546.594
Số giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.107.290.845</b>	<b>301.302.132</b>	<b>2.408.592.977</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	276.888.380	226.262.148	503.150.528
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>217.253.300</b>	<b>207.350.634</b>	<b>424.603.934</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.898.632.304 VND.

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Dự án nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội <sup>[1]</sup>	2.620.500.000	2.240.500.000
	<b>2.620.500.000</b>	<b>2.240.500.000</b>

<sup>[1]</sup> Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m<sup>2</sup>;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan; Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất do Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đứng tên. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của khu đất tương ứng với tỉ lệ góp vốn/ tổng mức vốn đầu tư của dự án;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: Phần góp vốn của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND.
- Theo hợp đồng này đến thời điểm 01/01/2013, Công ty đã thực hiện góp đủ số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.915.500.000 VND.

Theo Biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất: Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án; Riêng phần tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học

liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án. Sau khi ký kết Biên bản này, thực hiện theo các Công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 705.000.000 VND. Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty đã góp tổng số kinh phí để thực hiện dự án là 2.620.500.000 VND.

## 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>-</b>	<b>1.100.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục <sup>[1]</sup>	-	1.100.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>930.000.000</b>	<b>15.331.000.000</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng	180.000.000	180.000.000
Tiền ủy thác đầu tư cho Ông Phạm Mạnh Thắng <sup>[2]</sup>	-	14.401.000.000
	<b>930.000.000</b>	<b>16.431.000.000</b>

<sup>[1]</sup>Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 13/HĐQT-SGDHN ngày 20/12/2013, Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục với giá trị đầu tư là 1,1 tỷ đồng, tương ứng 110.000 cổ phần (trong tổng số vốn cam kết góp là 20 tỷ đồng, tương ứng 2 triệu cổ phần). Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 3012/2013/HĐ-CNCP/NXB-EBS ngày 30/12/2013 với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện chủ trương nêu trên và các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã được hoàn tất vào ngày 03/01/2014. Tổng số thu về chuyển nhượng nêu trên là 1.100.000.000 VND.

<sup>[2]</sup>Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2013 ngày 08/05/2013 với những nội dung sau:

- Mục đích đầu tư: Đầu tư vào các lĩnh vực, dự án kinh doanh có hiệu quả;
- Tổng số tiền: 20.000.000.000 VND;
- Thời hạn ủy thác: Tối đa 02 năm tính từ thời điểm chuyển tiền;
- Phí ủy thác đầu tư: 0,5% tính trên tổng giá trị ủy thác. Lợi tức là 7,5%/năm trên tổng số vốn thực tế sử dụng, thời gian chuyển tiền và tất toán theo phụ lục hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/01-2013.

Ngày 29/04/2014, hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng ủy thác đầu tư này theo Biên bản thanh lý số 01/TLHD.

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.810.461.924	8.035.732.939
Số tăng trong kỳ	4.070.673.747	4.189.720.995
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(5.376.160.726)	(5.136.558.775)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.504.974.945</b>	<b>7.088.895.159</b>

**Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí bán thảo	1.135.253.937	3.064.609.932
Chi phí thuê kho tại KCN Nam Thăng Long	3.392.045.456	3.596.590.910
Chi phí sửa chữa cửa hàng	1.940.297.523	1.074.505.027
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	37.378.029	74.756.055
	<b>6.504.974.945</b>	<b>7.810.461.924</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	29.464.803	94.017.657
Thuế thu nhập doanh nghiệp	957.837.420	293.334.987
Thuế thu nhập cá nhân	339.376.120	130.095.928
	<b>1.326.678.343</b>	<b>517.448.572</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí thương doanh số và hoa hồng môi giới	315.197.104	705.992.744
Chi phí bán thảo và phí phát hành	1.423.521.373	291.529.800
Trích trước chi phí thuê, nhuận bút sách liên kết <sup>[1]</sup>	2.279.948.296	-
Trích trước phí quản lý xuất bản	465.810.021	319.582.865
	<b>4.484.476.794</b>	<b>1.317.105.409</b>

<sup>[1]</sup>Sách liên kết chủ yếu in trong quý 2 và quý 3 để phục vụ cho năm học mới, chi phí thuê và nhuận bút sách liên kết được trích trước căn cứ vào số lượng sách nhập kho trong kỳ.

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	28.000.660	85.699.259
Bảo hiểm xã hội	41.259.010	50.045.716
Bảo hiểm y tế	7.140.983	9.085.010
Bảo hiểm thất nghiệp	3.173.770	4.170.599
Các khoản phải trả, phải nộp khác	300.906.600	77.855.506
- <i>Cổ tức phải trả chủ sở hữu</i>	<i>27.881.600</i>	<i>36.479.600</i>
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>273.025.000</i>	<i>41.375.906</i>
	<b>380.481.023</b>	<b>226.856.090</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	<b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>(252.296.518)</b>	<b>(4.090.206.866)</b>	<b>14.778.425.126</b>	<b>1.545.196.493</b>	<b>11.608.463.651</b>	<b>125.784.421.886</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	4.257.445.402	4.257.445.402
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.285.074.145)	-	-	-	(1.285.074.145)
Trả cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(9.600.184.000)	(9.600.184.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	42.574.454	(42.574.454)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(425.744.540)	(425.744.540)
Trả thù lao của Hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	-	-	(212.872.270)	(212.872.270)
<b>Số dư cuối kỳ trước tại 30/06/2013</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>(252.296.518)</b>	<b>(5.375.281.011)</b>	<b>14.778.425.126</b>	<b>1.587.770.947</b>	<b>5.584.533.789</b>	<b>118.517.992.333</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>(252.296.518)</b>	<b>(5.822.132.335)</b>	<b>14.778.425.126</b>	<b>1.625.203.827</b>	<b>8.728.895.712</b>	<b>121.252.935.812</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	3.553.279.043	3.553.279.043
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(6.828.067.200)	(6.828.067.200)
Mua cổ phiếu quỹ <sup>[1]</sup>	-	-	(8.073.327.062)	-	-	-	(8.073.327.062)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(355.327.904)	(355.327.904)
Trả thù lao của Hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	-	-	(177.663.952)	(177.663.952)
<b>Số dư cuối kỳ này tại 30/06/2014</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>(252.296.518)</b>	<b>(13.895.459.397)</b>	<b>14.778.425.126</b>	<b>1.625.203.827</b>	<b>4.921.115.699</b>	<b>109.371.828.737</b>

<sup>[1]</sup> Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/HĐQT-SGDHN ngày 06/02/2014 thông qua phương án mua cổ phiếu quỹ với thông tin chi tiết như sau:

- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký mua lại: 1.400.000 Cổ phiếu;
- Giá mua: không cao hơn 9.900 VND/Cổ phiếu;
- Mục đích: Mua cổ phiếu quỹ để bình ổn giá và đầu tư tài chính;
- Thời gian dự kiến: Từ ngày 03/03/2014 đến 02/04/2014.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, Công ty đã thực hiện giao dịch mua lại 847.300 cổ phiếu.

Công ty đã thực hiện tạm phân phối các quỹ từ Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2014 theo chủ trương tại Nghị quyết số 80/SGDHN ngày 25/4/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, cụ thể như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		3.553.279.043
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	5%	177.663.952
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	10%	355.327.904

Việc trích lập các quỹ như trên có thể thay đổi khi Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2015 thông qua kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2014.

Cũng theo nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 80/SGDHN ngày 25/4/2014 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 05/HDQT-SGDHN ngày 05/05/2014, Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 8%/cổ phần và chi trả bằng tiền mặt số tiền là: 6.828.067.200 VND.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2014	Tỷ lệ	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	5.928.000.000	5,80%	5.928.000.000	5,80%
Cổ phiếu quỹ	16.844.000.000	16,48%	8.371.000.000	8,19%
Vốn góp của đối tượng khác	79.422.840.000	77,72%	87.895.840.000	86,01%
- Ông Peter Eric Dennis	5.587.000.000	5,47%	6.812.000.000	6,67%
- Mutual Fund Elite (Non- Ucits)	8.500.000.000	8,32%	10.000.000.000	9,79%
- Mekong Porfolio investments limited	4.129.000.000	4,04%	5.890.000.000	5,76%
- Các đối tượng khác	61.206.840.000	59,89%	65.193.840.000	63,79%
<b>Cộng</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>100,00%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	102.194.840.000	102.194.840.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	102.194.840.000	102.194.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.828.067.200	9.600.184.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	6.828.067.200	9.600.184.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ này	-	-



**d) Cổ phiếu**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.219.484	10.219.484
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.684.400	837.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.684.400	837.100
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.535.084	9.382.384
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.535.084	9.382.384
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**e) Các quỹ của công ty**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	14.778.425.126	14.778.425.126
- Quỹ dự phòng tài chính	1.625.203.827	1.625.203.827

**17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	58.251.630.399	44.579.789.000
- <i>Doanh thu Sách Giáo khoa</i>	588.429.820	445.865.870
- <i>Doanh thu Sách Tham khảo</i>	37.932.237.373	31.387.234.760
- <i>Doanh thu Sách Bổ trợ</i>	11.054.020.636	10.728.765.909
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục</i>	2.640.298.636	412.477.294
- <i>Doanh thu bán vật tư</i>	1.412.168.308	54.847.928
- <i>Doanh thu Văn phòng phẩm, khác</i>	4.624.475.626	1.550.597.239
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.727.272	32.727.272
	<b>58.284.357.671</b>	<b>44.612.516.272</b>

**18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	18.625.548	64.012.440
	<b>18.625.548</b>	<b>64.012.440</b>

**19. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	58.233.004.851	44.515.776.560
- <i>Doanh thu Sách Giáo khoa</i>	588.429.820	445.865.870
- <i>Doanh thu Sách Tham khảo</i>	37.913.611.825	31.323.222.320
- <i>Doanh thu Sách Bổ trợ</i>	11.054.020.636	10.728.765.909
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục</i>	2.640.298.636	412.477.294
- <i>Doanh thu bán vật tư</i>	1.412.168.308	54.847.928
- <i>Doanh thu Văn phòng phẩm</i>	4.624.475.626	1.550.597.239
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.727.272	32.727.272
	<b>58.265.732.123</b>	<b>44.548.503.832</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	46.276.506.607	34.312.570.825
- <i>Giá vốn Sách Giáo khoa</i>	375.747.951	357.744.473
- <i>Giá vốn Sách Tham khảo</i>	30.459.879.082	27.275.573.043
- <i>Giá vốn Sách Bổ trợ</i>	7.569.533.242	5.076.815.424
- <i>Giá vốn thiết bị giáo dục</i>	2.561.131.000	400.009.344
- <i>Giá vốn bán vật tư</i>	1.394.111.715	52.216.121
- <i>Giá vốn Văn phòng phẩm</i>	3.916.103.617	1.150.212.420
	<b>46.276.506.607</b>	<b>34.312.570.825</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.817.288.950	2.506.950.454
lãi từ ủy thác đầu tư	196.690.381	-
Lãi bán cổ phiếu	-	26.804.560
Cổ tức, lợi nhuận được chia	122.500.000	138.500.000
	<b>2.136.479.331</b>	<b>2.672.255.014</b>

## 22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí ủy thác đầu tư	58.998.633	-
	<b>58.998.633</b>	<b>-</b>

## 23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.448.214.117	2.219.245.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.968.414	79.070.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	472.966.053	152.635.779
Chi phí khác bằng tiền	3.448.162.115	2.584.790.162
	<b>6.407.310.699</b>	<b>5.035.741.311</b>

## 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.294.999.041	1.104.560.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.578.180	135.243.525
Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng	-	58.860.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.568.701	199.305.411
Chi phí khác bằng tiền	1.712.247.695	1.218.929.557
	<b>3.327.393.617</b>	<b>2.721.899.339</b>

## 25. THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	9.725.000
Thu từ bán phế phẩm, thanh lý vật tư	181.778.927	-
Thu nhập khác	19.000.000	19.000.000
	<b>200.778.927</b>	<b>28.725.000</b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.532.780.825	5.179.272.371
Các khoản điều chỉnh tăng	42.000.000	110.860.320
Các khoản điều chỉnh giảm	(122.500.000)	(138.500.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.452.280.825	5.151.632.691
Chi phí thuế TNDN hiện hành 10% <sup>[1]</sup>	-	244.054.136
Chi phí thuế TNDN hiện hành 25%	-	677.772.833
Chi phí thuế TNDN hiện hành 22%	979.501.782	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>979.501.782</b>	<b>921.826.969</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	293.334.987	(371.857.914)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(314.999.349)	(276.313.075)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>957.837.420</b>	<b>273.655.980</b>

<sup>[1]</sup>Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của Công ty có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Đồng thời, Tại Công văn số 6833/BTC-CST ngày 29/05/2013 của Bộ Tài chính về thuế TNDN đối với hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản thì các đơn vị thành viên của Công ty TNHH Một Thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam có thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản bằng việc thực hiện các công đoạn hoặc từng công đoạn của hoạt động xuất bản thì khoản thu nhập này được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10%.

Tuy nhiên, Theo hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và Hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính 2014 thì phần thu nhập nêu trên của Công ty không còn đủ điều kiện được hưởng thuế suất ưu đãi 10%.

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.553.279.043	5.179.272.371
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.553.279.043	5.179.272.371
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.892.494	9.592.191
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>400</b>	<b>540</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.398.870.686	13.093.357.886
Chi phí nhân công	3.743.213.158	3.323.805.720
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.546.594	214.313.701
Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng	-	58.860.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.719.057.231	15.710.029.180
Chi phí khác bằng tiền	5.160.409.810	3.803.719.719
	<b>37.107.097.479</b>	<b>36.209.086.526</b>

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.926.934.048	-	38.540.613.011	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	41.005.516.099	(1.921.791.046)	24.453.347.100	(1.921.791.046)
Các khoản cho vay	29.705.184.245	-	20.705.184.245	-
Đầu tư dài hạn	930.000.000	-	15.331.000.000	-
	<b>81.567.634.392</b>	<b>(1.921.791.046)</b>	<b>99.030.144.356</b>	<b>(1.921.791.046)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	23.606.711.723	19.409.381.146
Chi phí phải trả	4.484.476.794	1.317.105.409
	<b>28.091.188.517</b>	<b>20.726.486.555</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác):

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.926.934.048	-	-	9.926.934.048
Phải thu khách hàng, phải thu khác	39.083.725.053	-	-	39.083.725.053
Các khoản cho vay	29.705.184.245	-	-	29.705.184.245
Đầu tư dài hạn	-	930.000.000	-	930.000.000
<b>Cộng</b>	<b>78.715.843.346</b>	<b>930.000.000</b>	<b>-</b>	<b>79.645.843.346</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.540.613.011	-	-	38.540.613.011
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.531.556.054	-	-	22.531.556.054
Các khoản cho vay	20.705.184.245	-	-	20.705.184.245
Đầu tư dài hạn	-	15.331.000.000	-	15.331.000.000
<b>Cộng</b>	<b>81.777.353.310</b>	<b>15.331.000.000</b>	<b>-</b>	<b>97.108.353.310</b>

### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	23.560.711.723	46.000.000	-	23.606.711.723
Chi phí phải trả	4.484.476.794	-	-	4.484.476.794
	<b>28.045.188.517</b>	<b>46.000.000</b>	<b>-</b>	<b>28.091.188.517</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	19.363.381.146	46.000.000	-	19.409.381.146
Chi phí phải trả	1.317.105.409	-	-	1.317.105.409
	<b>20.680.486.555</b>	<b>46.000.000</b>	<b>-</b>	<b>20.726.486.555</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 30. CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng	499.374.572	1.307.097.501

Là các khoản tiền theo các Hợp đồng cấp bảo lãnh giữa Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Sở giao dịch và Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội.

### 31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách và thiết bị giáo dục, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	154.359.733	14.529.101
<b>Mua hàng</b>			
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hà Nội	Trực thuộc NXBGD VN	2.066.541.734	150.401.250
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Trực thuộc NXBGD VN	75.563.700	-
<b>Lãi vay phải thu</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	248.394.519	275.551.139

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	30/06/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>Phải thu</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	716.367.229	279.141.210
<b>Phải trả</b>			
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD VN	1.159.779.229	109.428.001
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Trực thuộc NXBGD VN	-	75.563.700

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	971.496.875	974.321.274



### 34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

---

**Cần Hữu Hải**

Giám đốc

*Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014*

---

**Phạm Thị Hạnh**

Kế toán trưởng

---

**Nguyễn Cẩm Hương**

Người lập